

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 105/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2023,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà D đường M, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà F đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (*Văn bản uỷ quyền lập ngày 01/8/2023*).

1.2. Bị đơn: Ông **Lê Anh T**, sinh năm 1977 và bà **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 1981; cùng địa chỉ: Số nhà C đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Anh T: Bà **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 1981; địa chỉ: Số nhà C đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản uỷ quyền lập ngày 23/8/2023*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Anh T và bà Nguyễn Thị Kim X là ông Phạm Văn T1 - Luật sư, Chi nhánh Công ty L và Liên danh tại thành phố Đà Nẵng.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Ông **Nguyễn Tiến Đ**, sinh năm 1993; ĐKKHKT: Phòng 608 - B - 2D,

Chung cư N, C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Nguyễn Thị Kim X**; địa chỉ: Số nhà C đường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản uỷ quyền số 3173 ngày 24/8/2023, chứng thực ngày 26/01/2024*).

1.3.2. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1971; trú tại: Số A đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N khoản tiền nợ theo Giấy vay tiền lập ngày 19/7/2022 là: **2.860.000.000** (*Hai tỷ tám trăm sáu mươi triệu*) đồng, trong đó, nợ gốc là 2.030.000.000 (*Hai tỷ không trăm ba mươi triệu*) đồng, nợ lãi 830.000.000 (*Tám trăm ba mươi triệu*) đồng.

Thời gian trả nợ được chia theo các kỳ như sau:

1. Chậm nhất đến ngày 30/9/2024 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

2. Chậm nhất đến ngày 31/12/2024 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

3. Chậm nhất đến ngày 31/3/2025 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

4. Chậm nhất đến ngày 30/6/2025 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

5. Chậm nhất đến ngày 30/9/2025 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

6. Chậm nhất đến ngày 31/12/2025 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

7. Chậm nhất đến ngày 31/3/2026 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

8. Chậm nhất đến ngày 30/6/2026 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

9. Chậm nhất đến ngày 30/9/2026 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

10. Chậm nhất đến ngày 31/12/2026 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **250.000.000** đồng.

11. Chậm nhất đến ngày 31/3/2027 bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền **360.000.000** đồng.

Nếu bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T vi phạm nghĩa vụ bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào đã thoả thuận trên thì bà Nguyễn Thị N có quyền yêu cầu bà X, ông T phải có nghĩa vụ trả hết toàn bộ số tiền nợ còn lại cho bà N.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Kim X, ông Lê Anh T thỏa thuận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 44.600.000 (Bốn mươi bốn triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N 56.558.000 (Năm mươi sáu triệu năm trăm năm mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: CC/2021/ 0000893 ngày 20/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND, Chi Cục THADS TP Đông Hà;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Thị Xuân Hương